

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý 1/2010

(Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG (100=110+120+130+140+150)	100		1.387.707.397.071	1.505.710.991.784
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	139.612.004.132	428.744.198.408
1. Tiền	111		19.612.004.132	18.744.198.408
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	120.000.000.000	410.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.03	-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.186.342.400	158.041.413.962
1. Phải thu của khách hàng	131		16.082.732.108	11.026.061.238
2. Trả trước cho người bán	132		61.800.696.382	52.557.751.554
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.053.618	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.04	90.301.860.292	94.457.601.170
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.048.225.387.268	900.577.042.193
1. Hàng tồn kho	141	V.05	1.048.225.387.268	900.577.042.193
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		31.683.663.271	18.348.337.221
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.856.338.521	1.069.158.143
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		8.642.971.286	4.473.132.310
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.06	20.876.969	104.198
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	20.163.476.495	12.805.942.570

B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		259.158.248.659	182.142.514.150
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		30.807.500.000	30.807.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.08	30.807.500.000	30.807.500.000
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		91.202.980.608	58.482.138.085
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	30.699.740.146	31.575.646.276
- Nguyên giá	222		39.909.937.191	39.845.227.335
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(9.210.197.045)	(8.269.581.059)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	1.648.188.000	1.648.188.000
- Nguyên giá	228		1.660.188.000	1.660.188.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.000.000)	(12.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	58.855.052.462	25.258.303.808
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	1.600.000.000	1.600.000.000
- Nguyên giá	241		1.600.000.000	1.600.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	100.735.721.717	67.792.721.717
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		48.491.721.717	43.558.721.717
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	53.494.000.000	25.484.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.250.000.000)	(1.250.000.000)
V. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	260		16.975.315.000	16.975.315.000
VI. Tài sản dài hạn khác	270		17.836.731.334	6.484.839.348
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.15	15.777.812.208	4.425.920.222
2. Tài khoản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.20	1.904.554.256	1.904.554.256
3. Tài sản dài hạn khác	268		154.364.870	154.364.870
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)	280		1.646.865.645.730	1.687.853.505.934

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.020.658.589.257	1.060.534.380.518
I. Nợ ngắn hạn	310		142.919.535.493	136.989.982.456
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	15.785.297.529	15.785.297.529
2. Phải trả cho người bán	312		27.855.459.742	44.233.798.920
3. Người mua trả tiền trước	313		57.785.354.453	39.662.945.312
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	13.742.584.800	12.637.877.414
5. Phải trả người lao động	315		687.503.952	844.169.333
6. Chi phí phải trả	316		15.261.492.735	14.670.489.861
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	11.801.842.282	9.155.404.087
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II. Nợ dài hạn	330		877.739.053.764	923.544.398.062
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác (@)	333		39.227.616.000	39.307.616.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.19	818.881.303.019	868.479.507.200
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21	19.630.134.745	15.757.274.862
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn (*)	337		-	-
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		610.782.977.826	614.213.651.015
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	606.391.078.757	607.005.269.946
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		154.000.000.000	154.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		201.376.625.200	201.376.625.200
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		150.000.000.000	150.000.000.000
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		(26.833.865.517)	(26.833.865.517)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(135.303.102)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		63.477.728.497	63.477.728.497
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.995.183.501	8.995.183.501
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		55.375.407.076	56.124.901.367

II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		4.391.899.069	7.208.381.069
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		4.391.899.069	7.208.381.069
2. Nguồn kinh phí	432	V.23	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	500	V.24	15.424.078.647	13.105.474.401
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (510=300+400+500)	510		1.646.865.645.730	1.687.853.505.934

Ghi chú :

Mã số 141" Hàng tồn kho": Giá trị đền bù, xây lắp, lãi vay vốn hóa các dự án xây dựng hạ tầng và chung cư

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài			
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công			
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược			
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)			
5. Ngoại tệ các loại			
- USD			
- EUR			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Anh Thư

TP. HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2010

Giám đốc



Đoàn Tường Triệu

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

(Dạng đầy đủ)

Quý 1/2010

(Giai đoạn từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/03/2010)

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	103.166.338.575	8.035.906.775	103.166.338.575	8.035.906.775
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	103.166.338.575	8.035.906.775	103.166.338.575	8.035.906.775
4. Giá vốn hàng bán	11	72.178.771.246	5.690.038.821	72.178.771.246	5.690.038.821
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	30.987.567.329	2.345.867.954	30.987.567.329	2.345.867.954
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	691.488.768	9.432.171.193	691.488.768	9.432.171.193
7. Chi phí tài chính	22	318.488.000	738.546	318.488.000	738.546
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	24	923.677.102	103.366.051	923.677.102	103.366.051
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.029.443.145	383.904.676	2.029.443.145	383.904.676
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30	28.407.447.850	11.290.029.874	28.407.447.850	11.290.029.874
11. Thu nhập khác	31	510.604.000	689.805.775	510.604.000	689.805.775
12. Chi phí khác	32	87.737.029	6.461.435	87.737.029	6.461.435
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	422.866.971	683.344.340	422.866.971	683.344.340
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50	-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (60 = 30 + 40 - 50)	60	28.830.314.821	11.973.374.214	28.830.314.821	11.973.374.214
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	61	3.321.973.031	1.959.794.239	3.321.973.031	1.959.794.239
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	62	5.192.368.852	-	5.192.368.852	-
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN (70 = 60 - 61 - 62)	70	21.635.481.906	10.013.579.975	20.315.972.937	10.013.579.975
-18.1. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71	664.952.198	25.655.964	664.952.198	25.655.964
-18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	72	20.970.529.709	9.987.924.011	19.651.020.740	9.987.924.011

TP. HCM, ngày 29 tháng 04 năm 2010

Kế Toán Trưởng



Nguyễn Thị Anh Thư



Đoàn Tường Triệu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

Quý 1/2009

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		28.830.314.821	11.973.374.214
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		940.615.986	468.206.374
- Các khoản dự phòng	03			
- (Lãi)/Mất từ hoạt động đầu tư	05		(691.488.768)	(2.154.171.193)
- Chi phí lãi vay	06		318.488.000	738.546
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		29.397.930.039	10.288.147.941
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(21.693.074.110)	(40.647.684)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(147.648.345.075)	(44.306.810.647)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		11.129.534.537	36.875.208.434
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(13.139.072.364)	(4.036.746.936)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(318.488.000)	(738.546)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(2.406.490.402)	(3.023.862.975)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15			
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.144.470.575)	(1.876.268.333)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(152.822.475.951)	(6.121.718.766)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(33.661.458.509)	(400.285.393)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Chi cho vay, mua các công cụ các đơn vị khác	23			
4. Thu tiền cho vay bán các công cụ nợ khác	24			
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(32.943.000.000)	(8.350.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		691.488.768	2.154.171.193
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(65.912.969.741)	(6.596.114.200)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	34		83.663.135.819	5.594.567.156
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	35		(133.261.340.000)	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(20.798.544.403)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(70.396.748.584)	5.594.567.156
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(289.132.194.276)	(7.123.265.810)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		428.744.198.408	14.975.181.982
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.26	139.612.004.132	7.851.916.172

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Anh Thư



Đoàn Tường Triệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (gọi tắt là "Công ty") là một đơn vị thành viên của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5, được thành lập theo Nghị quyết 1584/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 5 năm 2005 về việc góp vốn đầu tư để thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy và Quyết định số 3666/QĐ-HĐQT ngày 12/08/2005 về việc chuyển giao nguyên trạng nguồn vốn, tài sản, công nợ, thiết bị, cán bộ, công nhân lao động, các hợp đồng kinh tế và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đang thực hiện của Chi nhánh Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5 tại Bình Thuận sang Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103003556 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 4 tháng 7 năm 2005, và các lần sửa đổi:

- Đăng ký sửa đổi lần thứ 1, ngày 8 tháng 7 năm 2006;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 2, ngày 26 tháng 3 năm 2007;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 3, ngày 4 tháng 12 năm 2007;
- Đăng ký sửa đổi lần thứ 4, ngày 15 tháng 5 năm 2008.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 3 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 4 tháng 12 năm 2007, Vốn điều lệ của Công ty là: 154.000.000.000 đồng, tổng số Cổ phiếu là 15.400.000 đơn vị với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phiếu.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đơn vị liên quan:

Chi nhánh:

- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại Bình Thuận.
Địa chỉ: Số 47 Trần Hưng Đạo, Thành phố Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh Tây Nam.
Địa chỉ: Số B17-19 Trung tâm Thương Mại, Phường 3, Thị xã Bạc Liêu, Tỉnh Bạc Liêu;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh.
Địa chỉ: Số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh Miền Trung.
Địa chỉ: Số 54, Đường 10, Phường 8, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên;
- Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Chi nhánh Miền Bắc.
Địa chỉ: Tổ 5, Khu A9, Đường Hạ Long, P. Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy – Ban Quản lý dự án Quảng Ngãi.
Địa chỉ: Thôn Trường Thọ Tây, Thị trấn Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Quyết định số 63/2008/QĐ-HĐQT ngày 30 tháng 10 năm 2008 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy về việc giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy tại thành phố Hồ Chí Minh, Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh đã chính thức giải thể và ngừng mọi hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2009, hiện đang hoàn tất các thủ tục với Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Công ty con:

- Công ty TNHH Xây dựng - Thương mại - Dịch vụ - Sản xuất Hùng Thanh
 - ✓ Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh;
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 4102003918, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 13 tháng 3 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp;
 - ✓ Hoạt động chính: Xây dựng công nghiệp, dân dụng, cầu đường,...
 - ✓ Vốn điều lệ: 41.200.000.000 đồng;
 - ✓ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 95%;
 - ✓ Vốn thực tế góp đến 31/12/2008: 39.140.000.000 đồng giá gốc khoản đầu tư và 11.685.000.000 đồng chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp đã thanh toán;
 - ✓ Vốn thực tế góp đến 31/03/2010: 39.140.000.000 đồng giá gốc khoản đầu tư và 16.975.315.000 đồng chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp. Năm 2009, Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh nhà Hoàng Thành đã hoàn tất các thủ tục sáp nhập vào Công ty TNHH XD - TM - DV - SX Hùng Thanh. Hai bên đã thực hiện xong các nghĩa vụ nợ cũng như các nghĩa vụ tài sản khác có liên quan, chi phí chuyển nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp tăng thêm, làm tăng lợi thế thương mại phát sinh khi hợp nhất báo cáo một khoản tương ứng;
 - ✓ Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2008: 95,00%;
 - ✓ Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/03/2010: 95,00%;
- Công ty Cổ phần Công nghiệp NBB
 - ✓ Địa chỉ: Lô G, Đường số 10, KCN Hòa Khánh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng;
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 3203001767, đăng ký lần đầu ngày 24 tháng 12 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 10 tháng 7 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp;
 - ✓ Giấy chứng nhận đầu tư: Số 32221000105, chứng nhận lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2008 do Trường ban Ban quản lý các khu Công nghiệp và Chế xuất Đà Nẵng cấp;
 - ✓ Hoạt động chính: Sản xuất và kinh doanh các loại lọc dùng cho ô tô;
 - ✓ Vốn điều lệ: 30.000.000.000 đồng;
 - ✓ Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 67,33%;
 - ✓ Vốn thực tế góp đến 31/12/2008: 6.600.000.000 đồng;
 - ✓ Vốn thực tế góp đến 31/03/2010: 22.200.000.000 đồng;
 - ✓ Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2008: 22,00%
 - ✓ Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2009: 74,00%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn Highland
 - ✓ Địa chỉ: Số 19 Phù Đổng, phường Phù Đổng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai;
 - ✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: Số 5900452142, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 3 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ ba ngày 27 tháng 7 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Công ty con(tiếp theo):

- ✓ *Hoạt động chính:* Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc quyền sở hữu hoặc đi thuê; xây dựng công trình đường bộ, thủy lợi, dân dụng;
- ✓ *Vốn điều lệ:* 80.000.000.000 đồng;
- ✓ *Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:* 54,90%;
- ✓ *Vốn thực tế góp đến 31/12/2008:* 4.898.464.000 đồng (năm 2008 là Công ty liên kết với tỷ lệ góp vốn đăng ký 30,62%);
- ✓ *Vốn thực tế góp đến 31/03/2010:* 9.789.460.000 đồng;
- ✓ *Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/12/2008:* 6,12%
- ✓ *Tỷ lệ góp vốn thực tế đến 31/03/2010:* 12,24%

Công ty liên kết:

- Công ty Cổ phần Đầu tư & Phát triển Xây dựng Ninh Thuận
 - ✓ *Địa chỉ:* Số 1, Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh;
 - ✓ *Vốn điều lệ:* 165.000.000.000 đồng;
 - ✓ *Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:* 31,00%;
 - ✓ *Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết:* 31,00%;
- Công ty TNHH BOT Rạch Miễu
 - ✓ *Địa chỉ:* Ấp 6A, Xã An Khánh, Huyện Châu Thành, Tỉnh Bến Tre;
 - ✓ *Vốn điều lệ:* 133.470.000.000 đồng;
 - ✓ *Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:* 25,00%;
 - ✓ *Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết:* 25,00%;
- Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Tam Phú
 - ✓ *Địa chỉ:* Lô 148B đường Tôn Đức Thắng, phường An Sơn, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam;
 - ✓ *Vốn điều lệ:* 20.000.000.000 đồng;
 - ✓ *Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:* 49,00%;
 - ✓ *Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết:* 49,00%;
- Công ty TNHH BOT Saigon Highland
 - ✓ *Địa chỉ:* Lô 39 - 40 - 41 Khu IVB2 Đê Bao, phường Trần Phú, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
 - ✓ *Vốn điều lệ:* 100.000.000.000 đồng;
 - ✓ *Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ:* 20,31% (đầu tư trực tiếp 0%, đầu tư gián tiếp qua Công ty Cổ phần Đầu tư Saigon Highland với tỷ lệ 54,9% x 37%);
 - ✓ *Tỷ lệ nắm quyền biểu quyết:* 20,31%;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Môi giới bất động sản. Kinh doanh nhà (phải đáp ứng khoản 1, Điều 10 Luật Kinh Doanh Bất Động Sản. Xây dựng công trình đường giao thông, cầu phà, đường thủy, đường bộ, đường sắt, công trình thủy điện, nhiệt điện. San lấp mặt bằng. Xây dựng công trình, hạng mục công trình dân dụng, kỹ thuật, kết cấu công trình;
- Lắp đặt trang thiết bị cho công trình xây dựng: điện, nước, điều hòa không khí (trừ gia công cơ khí, xi mạ điện, tái chế phế thải tại trụ sở);
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Sản xuất điện;
- Sản xuất sản phẩm bằng gốm, sứ và vật liệu chịu lửa. Sản xuất gạch, ngói, gốm, sứ xây dựng không chịu lửa;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, vữa, sản phẩm từ kim loại đúc sẵn, thùng, bể chứa. Cắt, tạo dáng và hoàn thiện đá;
- Kinh doanh lưu trú du lịch: khách sạn, nhà nghỉ, kinh doanh nhà hàng ăn uống (không hoạt động tại trụ sở và việc cung cấp dịch vụ cần phải tiến hành song song với đầu tư xây dựng, nâng cấp, cải tạo hoặc mua lại khách sạn);
- Du lịch lữ hành nội địa, quốc tế;
- Đào tạo tư vấn giám sát xây dựng công trình giao thông;
- Đào tạo dạy nghề. Tư vấn về quản lý kinh doanh. Tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán);
- Xây dựng công trình ngầm dưới đất, dưới nước;
- Trồng rừng, chăn nuôi, trồng trọt theo mô hình trang trại (không chăn nuôi tại trụ sở);
- Truyền tải điện, phân phối và kinh doanh điện;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét, cao lanh;
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở).

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỷ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÀU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính được lập theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất được hợp nhất từ các Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập đến ngày kết thúc kỳ kế toán. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát

các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty mẹ và các Công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chỉ tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp)

Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm (theo VAS11- Hợp nhất kinh doanh).

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết. Lợi thế kinh doanh từ việc mua các công ty con và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được trình bày riêng như một loại tài sản vô hình trên bảng cân đối kế toán.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Bất lợi thương mại (nếu có)

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Bất lợi kinh doanh được hạch toán ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU(TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị của hàng tồn kho xuất dùng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ, nếu có.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, hoặc theo phương pháp khấu hao theo sản lượng phù hợp với với Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12 tháng 12 năm 2003 do Bộ Tài chính ban hành.

Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 20
Máy móc và thiết bị	04 - 07
Thiết bị văn phòng	03 - 14
Phương tiện vận tải	06 - 07

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện:

Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số 1 Nguyễn Văn Đậu, phường 5, quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh được trình bày theo nguyên giá;

Phần mềm quản lý được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và nhà xưởng vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Hiện tại, bất động sản đầu tư của Công ty chỉ là giá trị quyền sử dụng đất lâu dài của thửa đất số MPT (19,57), diện tích 160,0m² tại địa chỉ 38/1 Nguyễn Sơn, phường Phú Thọ Hòa, quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh theo tờ bản đồ số 95, 97 (BĐC) và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00086 do UBND quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/01/2007. Công ty dự kiến cho thuê hoặc bán trong tương lai.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính và chứng khoán

Công ty con

Các công ty được xem là công ty con của Công ty khi Công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu được qui định trong Chuẩn mực Kế toán số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào công ty con. Dự phòng giảm giá trị đầu tư được lập theo ý kiến của Ban Giám đốc khi các khoản giảm giá trị này không phải là tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập với điều kiện giá trị ghi sổ sau hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư nếu như dự phòng chưa được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty chưa hợp nhất kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty TNHH BOT Rạch Miễu trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2010 đến 31/03/2010

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, và các khoản chi phí trả trước dài hạn để thực hiện các dự án. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này. Ngoài ra, các khoản nhận góp vốn liên doanh cũng được ghi nhận vào khoản mục này.

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do Công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị thông qua Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoài trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Bộ tài chính như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu và phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng, phát hành trái phiếu để đầu tư và góp vốn vào các dự án Công ty tham gia được ghi nhận là vào khoản mục chi phí sản xuất kinh doanh của các dự án có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

01 Nguyễn Văn Đậu, P5, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010

quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

đến ngày 31/03/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất

Đơn vị tính: VND

1. Tiền

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tiền mặt	6.247.057.265	7.706.058.868
- Tiền gửi ngân hàng	13.364.946.867	11.038.139.540
- Các khoản tương đương tiền	120.000.000.000	410.000.000.000
Cộng	139.612.004.132	428.744.198.408

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Ngô Mạnh Hân (a)	31.000.000.000	31.000.000.000
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 5	15.050.000.000	15.050.000.000
Chi phí các dự án do phát hành trái phiếu (b)	15.855.833.334	18.079.166.667
Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Thành	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu Tư Khoáng Sản Quảng Ngãi	6.602.000.000	6.602.000.000
Ban bồi thường giải phóng mặt bằng (c)	-	6.800.000.000
UBND Tỉnh Bạc Liêu	1.982.371.282	1.982.371.282
- Khoản chi hộ tiền đến bù lộ giới Cao Văn Lầu	1.982.371.282	1.982.371.282
Tiền quyền góp vốn (d)	1.800.000.000	1.800.000.000
- Ông Đỗ Xuân Diễn	800.000.000	800.000.000
- Ông Nguyễn Hồng Sơn	600.000.000	600.000.000
- Ông Trần Văn Khiêm	200.000.000	200.000.000
- Ông Phạm Thanh Hùng	200.000.000	200.000.000
- Công ty Cổ Phần Công Trình Giao Thông 503	500.000.000	500.000.000
- Ban BTGP mặt bằng Saigon Highland	6.800.000.000	
- Phải thu khác	711.655.676	
Cộng	90.301.860.292	94.457.601.170

(a): Khoản phải thu về cho vay vốn thực hiện dự án, đã có biên bản xác nhận nghĩa vụ thanh toán nợ của Ông Ngô Mạnh Hân tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009.

(b): Chi phí dự án City Gate Towers phát sinh do việc phát hành trái phiếu trong năm 2009, các chi phí này sẽ được tái toán với các khoản mục chi phí dự án có liên quan trong các năm tiếp theo.

(c): Ban bồi thường giải phóng mặt bằng - Công ty Cổ phần Đầu Tư Saigon Highland ừng kinh phí để thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng.

(d): Phải thu tiền quyền góp vốn vào Công ty Cổ phần Công Nghiệp NBB.

4. Hàng tồn kho

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu	1.280.015.721	1.688.994.718
- Công cụ, dụng cụ	48.391.463	50.863.719

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/TH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm	1.046.896.980.084	898.837.183.756
- Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB Garden III	256.618.290.930	251.600.745.601
- Dự án Khu căn hộ cao tầng Diamond Riverside	165.281.471.347	165.203.902.676
- Dự án Khu căn hộ cao tầng City Gate Towers	114.234.668.585	112.006.974.709
- Dự án Khu dân cư Phường 2, thị xã Bạc Liêu	112.762.655.429	121.153.731.855
- Dự án Khu căn hộ cao tầng Carina Palza	56.081.552.503	60.992.359.501
- Dự án Khu căn hộ cao tầng NBB Garden II	223.402.260.933	63.134.760.933
- Dự án Khu dân cư - TTTM Bắc Phan Thiết	36.384.559.885	46.413.273.532
- Dự án Khu dân cư Hùng Vương, Phan Thiết	39.128.250.000	39.128.250.000
- Dự án Khu du lịch Ocean Golf - Lagi	655.197.545	
- Dự án Khu phức hợp Bình Chánh (giai đoạn I)	20.636.937.000	20.000.000.000
- Dự án Khu đô thị mới Nguyễn Văn Linh	6.925.711.335	5.648.438.063
- Dự án Khu dân cư Sơn Tịnh, Quảng Ngãi	5.261.666.167	4.622.009.755
- Dự án Khu biệt thự Đồi Thủy Sản, Quảng Ninh	4.484.128.525	3.463.625.442
- Dự án BOT Tuyến tránh QL1A qua Thị xã Phan Rang - Tháp Chàm	3.495.106.997	3.433.275.386
- Chi phí dở dang đường cao tốc Sài Gòn - Trung Lương	11.019.307	
- Dự án Khối văn phòng NBB	1.533.503.576	1.533.503.576
- Dự án Khu đô thị sinh thái Đồn Điền, Hạ Long	-	502.332.727
Cộng giá gốc hàng tồn kho	1.048.225.387.268	900.577.042.193

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Tạm ứng của các đội thi công xây lắp, khác	11.799.348.021	10.405.942.570
- Ký quỹ Sở TN&MT tỉnh Phú Yên - Dự án Nhà máy Thủy Điện Đá Đen	2.400.000.000	2.400.000.000
- Ký quỹ mở cát, đá Chi nhánh Bình Thuận		
- Ký quỹ mở LC Cty NBB	5.673.866.076	
- Khác	290.262.398	
Cộng	20.163.476.495	12.805.942.570

7. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Khoản ký quỹ với Công ty Cấp Nước Chợ Lớn	5.000.000	5.000.000
- Chi phí chuyển nhượng dự án City Gate Towers (*)	30.802.500.000	30.802.500.000
Cộng	30.807.500.000	30.807.500.000

(*) Khoản chi phí chuyển nhượng 30% vốn góp vào dự án City Gate Towers theo Hợp đồng chuyển nhượng số 77/HĐ-CH ngày 04 tháng 08 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy và Công ty Cổ phần Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật Thành Phố Hồ Chí Minh. Khoản chi phí này sẽ được hạch toán vào chi phí của dự án khi dự án bắt đầu có doanh thu.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình					
Tại ngày 01/01/2010	20.177.492.823	10.015.570.156	8.283.112.815	1.369.051.541	39.845.227.335
Mua trong năm	-	14.000.000	13.181.820	37.528.036	64.709.856
Tăng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2010	20.177.492.823	10.029.570.156	8.296.294.635	1.406.579.577	39.909.937.191
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2010	2.305.862.043	3.073.427.978	1.818.168.806	1.072.122.232	8.269.581.059
Khấu hao trong quý	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển giao	-	-	-	-	-
Tăng do hợp nhất	205.838.943	381.560.501	278.690.475	74.526.067	940.615.986
Giảm trong quý	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/03/2010	2.511.700.986	3.454.988.479	2.096.859.281	1.146.648.299	9.210.197.045
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2010	17.871.630.780	6.942.142.178	6.464.944.009	296.929.309	31.575.646.276
Tại ngày 31/03/2010	17.665.791.837	6.574.581.677	6.199.435.354	259.931.278	30.699.740.146

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

- Giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn tại số 1 Nguyễn Văn Đậu, Phường 5, Quận Phú Nhuận, Thành Phố Hồ Chí Minh, nguyên giá 1.648.188.000 đồng;
- Phần mềm vi tính đã trích hết khấu hao tại thời điểm 31/03/2010, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế trên sổ sách kế toán là 12.000.000 đồng.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối quý	Số đầu năm
Xây dựng khu khai thác mỏ đá Tàzôn	-	1.497.230.411
Xây dựng khu du lịch Ocean golf - Lagi	1.497.230.411	1.142.024.287
Xây dựng nhà máy thủy điện Đá Đen	24.351.577.181	22.540.641.323
Sửa chữa nhà xưởng của Công ty CP CN NBB	33.006.244.870	78.407.788
Cộng	58.855.052.462	25.258.303.809

11. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty liên kết	Tỷ lệ (%)	Số cuối quý	Số đầu năm
- Công ty TNHH BOT Rạch Miễu	25%	29.397.980.747	29.397.980.747
- Công ty TNHH ĐT&XD Tam Phú	49%	2.940.000.000	1.715.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư & Phát Triển Xây Dựng Ninh Thuận (Trong đó: NBB 31%, Công ty Hùng Thanh đầu tư 5%)	36%	15.413.740.970	11.705.740.970

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- Công ty Cổ Phần BOT Saigon Highland	22,33%	740.000.000	740.000.000
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Saigon Highland			-
Cộng		48.491.721.717	43.558.721.717

12. Đầu tư dài hạn khác

Tên công ty	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	Số tiền	Số cổ phiếu	Số tiền
- Công ty Cổ Phần Chứng Khoán Việt Thành	175.000	1.750.000.000	175.000	1.750.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Khoáng Sản Quảng Ngãi	1.917.400	38.416.000.000	799.000	10.456.000.000
- Công ty Cổ Phần Cơ Khí Điện Lữ Gia	100.000	4.500.000.000	100.000	4.500.000.000
- Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng KT TP.HCM	-	-	-	-
- Công ty Cổ Phần Tư Vấn Xây Dựng 533	500.000	5.680.000.000	500.000	5.680.000.000
- Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Nhịp Cầu Địa Ốc	238.800	2.388.000.000	238.800	2.388.000.000
- Công ty Thủy Điện Boko	20.000	250.000.000	20.000	200.000.000
- Công ty Cổ Phần Xây Dựng Saigon Highland	51.000	510.000.000	51.000	510.000.000
Cộng		53.494.000.000		25.484.000.000

13. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn

Tại thời điểm 31/12/2009, Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư chứng khoán dài hạn của 100.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lữ Gia với giá trị dự phòng là 1.250.000.000 đồng.

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Chi phí dự án Bạc Liêu chờ phân bổ	6.929.356.793	-
- Chi phí tìm kiếm dự án DA BOT Cầu Rạch Miễu	500.000.000	500.000.000
- Chi phí dự án Nguyễn Văn Linh chờ phân bổ	68.071.506	74.794.554
- Chi phí DA City Gate Towers chờ phân bổ (nhà mẫu)	5.261.118.906	659.380.474
- Chi phí nhà mẫu của DA Carina Plaza chờ phân bổ	3.019.265.003	3.191.745.194
Cộng	15.777.812.208	4.425.920.222

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Số cuối quý	Số đầu năm
Tại ngày đầu năm	1.904.554.256	2.528.298.740
Phát sinh tăng		-
Phát sinh giảm (*)		623.744.484
Cộng	1.904.554.256	1.904.554.256

(*) Một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo chế độ kế toán của Công ty cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

15. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vay ngắn hạn Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	15.785.297.529	15.785.297.529

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cộng	15.785.297.529	15.785.297.529
16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		
	Số cuối quý	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	212.161.187	26.260.359
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.508.210.223	12.592.727.594
- Thuế thu nhập cá nhân	22.478.690	19.154.761
- Thuế tài nguyên	(265.300)	(265.300)
Cộng	13.742.584.800	12.637.877.414

17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả 15.261.492.735 đồng, trong đó có lãi vay trái phiếu phải trả trích trước với số tiền 14.670.489.861 đồng.

17. Phải trả khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội	62.495.886	13.572.000
- Bảo hiểm y tế	12.214.818	1.342.080
- Kinh phí công đoàn	71.304.379	78.187.229
- Lãi tiền gửi (trái phiếu) chờ kết chuyển	3.512.126.919	
- Cổ tức 2008 và 2009 cổ đông chưa nhận	1.648.472.000	
- Phải trả cho ông Nguyễn Việt Nam Anh	2.211.858.558	3.354.473.558
- Phải trả cho các đội thi công trong Công ty	745.832.532	4.674.538.142
- Phải trả, phải nộp khác	3.537.537.190	1.033.291.078
Cộng	11.801.842.282	9.155.404.087

18. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công ty CPĐT KT Hạ Tầng TP.HCM (*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhân đặc cộc mua đất	4.095.166.000	4.175.166.000
Công ty CP XDCTGT 507 - CN Quảng Ninh	1.000.000.000	1.000.000.000
Đội 702 và Đội 705 góp vốn mua MMTB	4.132.450.000	4.132.450.000
Cộng	39.227.616.000	39.307.616.000

(*): Khoản hỗ trợ vốn trong thời gian 02 năm để đầu tư dự án theo hợp đồng số 82/2009/HDKT-CII ngày 11 tháng 8 năm 2009 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ Thuật TP.HCM và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy.

18. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Vay dài hạn	96.881.303.019	168.479.507.200
- Ngân Hàng Đầu Tư & Phát Triển Việt Nam CN Bắc Sài Gòn	95.512.507.200	95.512.507.200
- Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	-	66.667.000.000
- Ngân Hàng ĐT&PT Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	1.368.795.819	6.300.000.000
- Ngân Hàng Nông nghiệp và PT Nông Thôn Đà Nẵng (nhà máy NBBI)	22.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

01 Nguyễn Văn Đậu, P5, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
 quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010
 đến ngày 31/03/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Nợ dài hạn

- Phát hành trái phiếu NBB_BOND2009

Cộng

700.000.000.000	700.000.000.000
700.000.000.000	700.000.000.000
818.881.303.019	868.479.507.200

Lịch trả nợ vay dài hạn

Trong vòng một năm

Trong năm thứ hai

Từ năm thứ ba đến năm thứ năm

Cộng

Số cuối quý	Số đầu năm
	66.666.000.000
	101.813.507.200
	168.479.507.200

Thông tin về các khoản vay dài hạn

* Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bắc Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn 00313/2009/0000360 ngày 15/04/2009, hạn mức tối đa 150.000.000.000 đồng, mục đích vay sử dụng cho dự án Khu căn hộ cao tầng NBB Garden III hạng mục " chi phí đến bù giải tỏa và xây dựng hạ tầng kỹ thuật", thời hạn vay 05 năm, thời gian trả nợ 36 tháng, thanh toán theo quý và trả lãi vào ngày 20 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay - giá trị quyền sử dụng đất diện tích 65.318 m2 theo các tờ số 02; 117; 118; 119 bản đồ địa chính phường 16, Quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh.

* Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn: Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 0142/HĐTĐ2-VIB625/07 ngày 22/11/2007 với hạn mức tối đa 100.000.000.000 đồng, mục đích để tài trợ vốn đến bù đất và xây dựng cơ sở hạ tầng dự án Khu căn hộ cao tầng Diamond Reverside, thời hạn vay 05 năm, ân hạn 24 tháng, trả nợ gốc 06 tháng/lần, lãi vay trả vào ngày 05 hàng tháng.

Tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại dự án Phường 2, Thị xã Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu có giá trị theo định giá là 26.263.100.000 đồng và quyền sử dụng đất tại Phường 16, Quận 8, Thành Phố Hồ Chí Minh với giá trị định giá là 85.639.000.000 đồng.

* Ngân hàng Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định: Hợp đồng tín dụng số 01.2009HNBB.5305 ngày 30/10/2009, thời gian cho vay 60 tháng, ân hạn 12 tháng, trả nợ gốc khi có tiền chuyển về tài khoản của ngân hàng hoặc theo phụ lục hợp đồng (nếu có) - tại ngày 31/03/2010 chưa ký kết phụ lục hợp đồng.

Thông tin về trái phiếu phát hành

* Trái phiếu phát hành đợt 1:

- Loại chứng khoán: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, có bảo đảm;
- Mệnh giá: 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng);
- Số lượng: 300 trái phiếu;
- Hình thức trái phiếu: Trái phiếu ghi sổ;
- Thời hạn trái phiếu: 03 năm
- Thanh toán lãi trái phiếu: Lãi trái phiếu được trả hàng năm vào ngày thanh toán;
- Thanh toán gốc trái phiếu: Gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đáo hạn;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

- *Lãi suất* : 11,5%/năm. Lãi suất các năm tiếp theo được tính bằng lãi suất bình quân của các lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau (trong trường hợp ngân hàng không công bố lãi suất tiết kiệm VND kỳ hạn 12 tháng trả sau thì sử dụng lãi suất loại hình huy động tiền gửi khác có kỳ hạn tương đương) công bố tại Sở giao dịch của bốn ngân hàng thương mại tại Hà Nội bao gồm: Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, Ngân hàng Công thương Việt Nam (Sở giao dịch 1), Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (Sở giao dịch 1) vào ngày xác định lãi suất hàng năm, cộng với lãi biên 3,5%/năm được xác định tại ngày tính lãi áp dụng cho năm tiếp theo.

- *Mục đích* : Tài trợ vốn cho dự án City Gate Towers.

* Trái phiếu phát hành đợt 2:

- *Loại chứng khoán* : Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, có bảo đảm;

- *Mệnh giá* : 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng);

- *Số lượng* : 400 trái phiếu;

- *Hình thức trái phiếu* : Trái phiếu ghi sổ;

- *Thời hạn trái phiếu* : 250 trái phiếu có thời hạn 03 năm, 150 trái phiếu có thời hạn 04 năm;

- *Thanh toán lãi trái phiếu* : Thanh toán trái phiếu: trả cuối kỳ, 6 tháng/lần;

- *Thanh toán gốc trái phiếu* : Gốc trái phiếu được thanh toán 1 lần khi đáo hạn;

- *Lãi suất* : 14,5%/năm cho 06 tháng đầu tiên kể từ ngày phát hành. Các tháng tiếp theo thả nổi với kỳ điều chỉnh lãi suất 06 tháng/lần tính bằng lãi suất tiết kiệm VNĐ kỳ hạn 12 tháng trả sau của Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam (VIB)- Chi nhánh Sài Gòn cộng với lãi biên 4,0%/năm.

- *Tài sản đảm bảo* : Quyền sử dụng đất thuộc dự án Diamond Riverside.

- *Mục đích* : Tài trợ vốn cho 3 dự án Diamond Riverside, Khu căn hộ cao tầng NBBB II, Khu phức hợp Bình Chánh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

01 Nguyễn Văn Đậu, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2009

MẪU SỐ B 09-DN/HN

19. Vốn chủ sở hữu

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
- Tại ngày 01/01/2009	154.000.000.000	201.376.625.200	-	-	18.477.728.497	4.495.183.501	2.662.154.295	45.845.042.054	426.856.733.547
Lợi nhuận năm trước								91.241.490.186	91.241.490.186
Nhận góp vốn L. doanh (*)	150.000.000.000								150.000.000.000
Mua lại Cổ phiếu quỹ			(26.833.865.517)						(26.833.865.517)
Đánh giá lại tỷ giá				(135.303.102)					(135.303.102)
Tặng khác					45.000.000.000	4.500.000.000	9.000.000.000	56.714.322	56.714.322
Phân phối lợi nhuận								(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Chi cổ tức năm trước								(21.560.000.000)	(21.560.000.000)
Chi quỹ							(4.453.773.226)	(958.345.195)	(4.453.773.226)
Chi HĐQT, thù lao BKS									(958.345.195)
- Tại ngày 31/12/2009	304.000.000.000	201.376.625.200	(26.833.865.517)	(135.303.102)	63.477.728.497	8.995.183.501	7.208.381.069	56.124.901.367	614.213.651.015
- Tại ngày 01/01/2010	304.000.000.000	201.376.625.200	(26.833.865.517)	(135.303.102)	63.477.728.497	8.995.183.501	7.208.381.069	56.124.901.367	614.213.651.015
- Lợi nhuận trong năm								20.970.529.709	20.970.529.709
- Chia cổ tức								(20.800.024.000)	(20.800.024.000)
- Chi quỹ							(2.816.482.000)	(920.000.000)	(2.816.482.000)
- Chi HĐQT, thù lao BKS								(920.000.000)	(920.000.000)
- Tại ngày 31/03/2010	304.000.000.000	201.376.625.200	(26.833.865.517)	(135.303.102)	63.477.728.497	8.995.183.501	4.391.899.069	55.375.407.076	610.647.674.724

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối quý	Số đầu năm
- Vốn góp của Nhà nước	10.500.000.000	10.500.000.000
- Vốn góp của các đối tượng khác	143.500.000.000	143.500.000.000
Cộng	154.000.000.000	154.000.000.000

c. Cổ phiếu

	Quý này	Năm trước
- Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	15.400.000	15.400.000
- Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	-	-
+ Cổ phiếu thường	15.400.000	15.400.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ được mua lại	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.857.160	14.857.160
+ Cổ phiếu thường	14.857.160	14.857.160
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	542.840	542.840

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

22. Doanh thu

	Quý I/2010	Quý I/2009
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.166.338.575	8.035.906.775
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	664.277.229
- Doanh thu kinh doanh căn hộ	64.847.353.701	-
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	26.817.031.407	7.371.629.546
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, sản xuất công	11.501.953.467	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
- Hàng bán bị trả lại	-	-

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	103.166.338.575	8.035.906.775
- Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	664.277.229
- Doanh thu căn hộ Carina Plaza	64.847.353.701	-
- Doanh thu chuyển nhượng quyền sử dụng đất	26.817.031.407	7.371.629.546
- Doanh thu hợp đồng xây dựng, sản xuất công	11.501.953.467	-

23. Giá vốn hàng bán

	Quý I/2010	Quý I/2009
- Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	-	742.555.287
- Giá vốn kinh doanh căn hộ	46.774.498.549	-
- Giá vốn chuyển nhượng quyền sử dụng đất	14.585.847.686	4.947.483.534
- Giá vốn hợp đồng xây dựng, sản xuất công	10.818.425.011	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

01 Nguyễn Văn Đậu, P5, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM

quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010

đến ngày 31/03/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Cộng	72.178.771.246	5.690.038.821
24. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Quý I/2010	Quý I/2009
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	480.273.455	55.621.193
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	774.550.000
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	160.232.143	8.602.000.000
- Tiền quyền góp vốn vào các dự án	-	-
- Chuyển nhượng vốn góp dự án	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	50.983.170	-
+ Doanh thu tài chính khác	-	8.602.000.000
Cộng	640.505.598	9.432.171.193
25. Chi phí tài chính		
	Quý I/2010	Quý I/2009
- Lãi tiền vay	318.488.000	738.546
- Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	-	-
Cộng	318.488.000	738.546
26. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
	Quý này	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	28.830.314.821	11.973.374.214
Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán:	5.278.035.876	-
- Doanh thu bất động sản theo tiến độ (hoãn lại năm trước)	5.278.035.876	-
- Khoản hỗ trợ chuyển nhượng QSD đất tái định cư	-	-
- Lợi thế thương mại phân bổ năm 2009	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm :	50.983.170	774.550.000
- Cổ tức được nhận, lãi bán cổ phiếu	50.983.170	774.550.000
- Lợi nhuận từ liên kết hợp nhất	-	-
- Chi phí cho vay, thuê nhà DA Carina Plaza 2008	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	34.057.367.527	11.198.824.214
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Thuế suất lũy tiến	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	8.514.341.883	2.799.706.054
Giảm 30% thuế TNDN hiện hành	-	839.911.816
Thuế TNDN được miễn năm 2009 (*)	-	-
Thuế TNDN hoãn lại năm 2008 DA Carina Plaza	-	-
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	3.321.973.031	1.959.794.239
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	5.192.368.852	-



Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm 30% năm 2009 theo thông tư số 30/2009/TT-BTC ngày 13 tháng 01 năm 2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NĂM BẢY BẢY

01 Nguyễn Văn Đậu, P5, Quận Phú Nhuận, Tp. HCM
 quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2010
 đến ngày 31/03/2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận bợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

Đối với các dự án kinh doanh bất động sản thực hiện thu tiền theo tiến độ, Công ty tạm tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bằng 2% trên tổng số tiền thực thu.

Trong năm 2009, Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả, tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành sẽ được điều chỉnh khi có các văn bản hướng dẫn cụ thể hoặc kết quả kiểm tra của Cơ quan thuế có thẩm quyền.

(*): Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn của Công ty Cổ phần Đầu tư Saigon Highland theo các quy định về thuế hiện hành

27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý này	Năm trước
- Tổng lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.970.529.709	9.987.924.011
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	14.857.160	15.400.000
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.411	649

VIII. Các thông tin khác**1. Báo cáo tài chính riêng được sử dụng để hợp nhất bao gồm:**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010 của:

- + Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Năm Bảy Bảy
- + Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH XD TM DV SX Hùng Thanh
- + Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Công Nghiệp NBB
- + Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Saigon Highland

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 đã được Công ty TNHH Kiểm Toán và Tư Vấn Tài Chính kiểm toán. Số liệu này được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Anh Thư

TP: HCM, ngày 20 tháng 04 năm 2010
 Giám đốc

 Đoàn Tường Triệu